



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**Năm báo cáo: 2018**

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **4200285254**
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 20.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 02 Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại: (02583) 822 607
- Số fax: (02583) 828 648
- Website: duongsatphukhanh.com.vn
- Mã cổ phiếu: PKR

### **Quá trình hình thành và phát triển**

- Tiền thân Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Phú Khánh được thành lập theo Quyết định số 879/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/04/1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3706000030 ngày 21/07/1998 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

- Theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh.

- Theo Quyết định số 714/QĐ-ĐS ngày 29/06/2010 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Quản lý Đường sắt Phú Khánh (100% vốn nhà nước) thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Theo Quyết định số 3894/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý Đường sắt Phú Khánh, Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 4200285254, đăng ký thay đổi lần thứ 2 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/01/2016. Vốn điều lệ tại thời điểm cổ phần hóa là **20.000.000.000 đồng**.

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: *(Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)*

- + Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- + Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn đường sắt;
- + Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- + Sản xuất và kinh doanh thiết bị; phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên

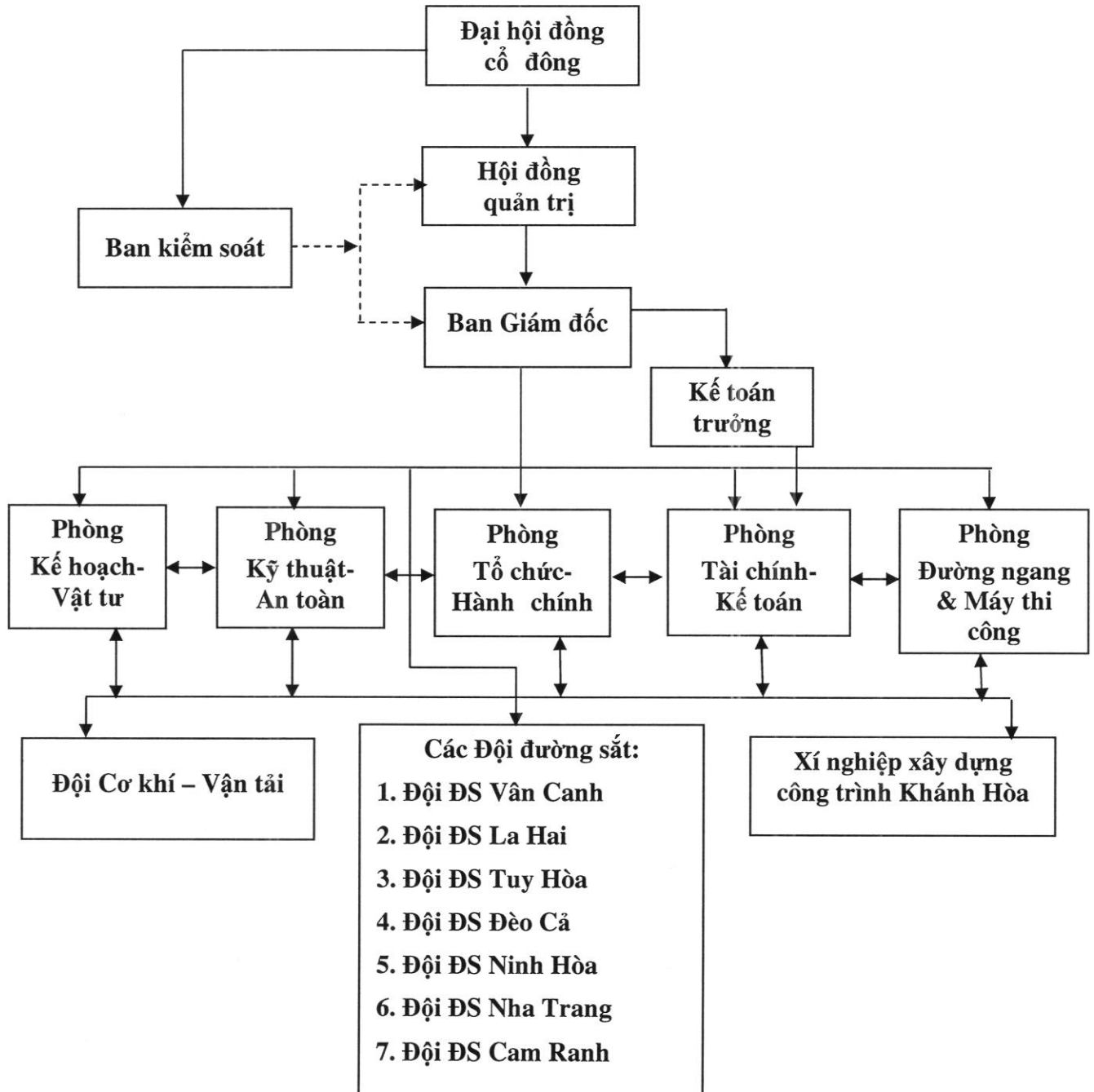
ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động.

- Địa bàn kinh doanh : Hoạt động kinh doanh của Công ty trải dài trên địa bàn 3 tỉnh: Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật.

#### Sơ đồ bộ máy quản lý



- Ghi chú:** -----> Quan hệ giám sát  
          —> Quan hệ chỉ đạo  
          <—> Quan hệ phối hợp

- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Bảo đảm hoàn thành 100% khối lượng theo Hợp đồng đặt hàng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2019 với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, giữ ổn định trạng thái cầu đường; Đảm bảo tải trọng, tốc độ chạy tàu theo công lệnh và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

- Tích cực tham gia đấu thầu hoặc liên danh với các nhà thầu thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho CBCNV.

- Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực như: đất đai, nhà cửa; Máy móc, thiết bị và lực lượng lao động hiện có.

- Nghiên cứu xây dựng bộ máy tổ chức theo hướng tinh giảm gọn nhẹ, nâng cao chế độ, trách nhiệm quản lý kinh tế đem lại hiệu quả cao hơn; Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Quan tâm hơn nữa đến đời sống của CBCNV như: Thu nhập, chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc; Tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, tham quan, du lịch thu hút đông đảo CBCNV tham gia.

- Thực hiện đầy đủ các quyền lợi của cổ đông như: Nhận cổ tức đúng thời gian quy định; Tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông tiếp nhận thông tin và có ý kiến đóng góp, xây dựng Công ty; Duy trì và bảo toàn vốn cho các cổ đông.

##### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Trên cơ sở nắm bắt các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển giao thông vận tải đường sắt trong tương lai, được thể hiện thông qua: Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 10/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 và Luật Đường sắt năm 2017, cụ thể:

##### **1. Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 10/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ, thể hiện rõ quan điểm:**

- Giao thông vận tải đường sắt là một bộ phận quan trọng trong hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, là loại hình vận tải chủ yếu đảm nhận vận tải hàng hóa đường dài, liên tỉnh, vận tải hành khách công cộng tại các thành phố lớn; Đóng vai trò chủ đạo trong vận tải hành khách trên trục Bắc – Nam và hàng hóa, hành khách trên trục Đông – Tây, cũng như ưu thế nổi bật về vận tải hành khách công cộng cần được ưu tiên đầu tư phát triển;

- Nhà nước tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hiện có, bảo đảm khai thác hiệu quả, thông suốt, trật tự, an toàn.

## **2. Luật Đường sắt số 06/2017/QH14, đưa ra nhiều chính sách về phát triển và ưu đãi, hỗ trợ trong hoạt động đường sắt::**

- Ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển, nâng cấp, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị để bảo đảm giao thông vận tải đường sắt đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống giao thông vận tải cả nước (*khoản 1 Điều 5 Luật Đường sắt 2017*);

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp đường sắt, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, đào tạo nguồn nhân lực để phát triển đường sắt hiện đại (*khoản 4 Điều 5 Luật Đường sắt 2017*);

- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh vận tải đường sắt, kinh doanh đường sắt đô thị và công nghiệp đường sắt là các ngành, nghề ưu đãi đầu tư (*khoản 1 Điều 6 Luật Đường sắt 2017*).

***Với tinh thần chủ động nắm bắt các cơ hội và điều kiện thuận lợi nêu trên, Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:***

- Phát triển kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt vẫn là mục tiêu hàng đầu của Công ty. Do đó, trong những năm tới Công ty tiếp tục chú trọng đầu tư các điều kiện tiên quyết như: Cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến; Tuyển dụng, đào tạo và sử dụng đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề, bậc thợ cao; Đổi mới phương thức quản lý, tiết kiệm tối đa chi phí để nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đường sắt hiện đại, từ đó ngày càng khẳng định vị thế là nhà thầu xây dựng mạnh trong ngành đường sắt nói riêng và ngành giao thông nói chung.

- Nghiên cứu đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh theo hướng đa ngành nghề dựa trên những lợi thế hiện có của Công ty và xu hướng phát triển của xã hội nhất là ưu tiên đầu tư, khai thác hiệu quả tài sản trên đất tại các khu đất: số 02 Yersin, Tp. Nha Trang và số 02 Đinh Tiên Hoàng, Nha Trang, Khánh Hòa; số 87 Lê Trung Kiên, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Không ngừng tiếp thu, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến nhằm phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **5. Các rủi ro**

### ***5.1. Rủi ro do sự thay đổi chính sách của Nhà nước:***

Đây là loại rủi ro có tính khách quan, mang tầm vĩ mô. Trường hợp nếu có sự điều chỉnh, thay đổi chính sách của Nhà nước liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh của ngành đường sắt theo hướng bất lợi sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các công ty hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt nói chung và của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh nói riêng.

### ***5.2. Rủi ro trong quản lý, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt:***

Rủi ro về tai nạn chạy tàu có thể xảy ra do các nguyên nhân: trạng thái, chất lượng cầu đường kém; công tác tổ chức thi công, công nhân làm việc không chấp hành đúng quy trình, quy phạm; đoạn tuyến đường sắt Công ty quản lý dài 283 Km,

có nhiều đường ngang không người gác và nhiều lối đi dân sinh nên tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn chạy tàu; tình hình mưa, lũ hàng năm, thường xuyên gây thiệt hại nặng nề đến cơ sở hạ tầng đường sắt cũng là nguy cơ xảy ra tai nạn chạy tàu nếu không kịp thời phát hiện và khắc phục.

Để ngăn ngừa, giảm thiểu các rủi ro nêu trên, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp như: Thường xuyên tổ chức kiểm tra trạng thái cầu, đường, hầm để có biện pháp cải tạo khôi phục các công trình xung yếu và lập kế hoạch đầu tư nâng cấp; giám sát chặt chẽ và chỉ đạo công tác tổ chức thi công nhằm bảo đảm an toàn, chất lượng và tiến độ; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở thường xuyên công nhân thực hiện nghiêm túc quy trình, quy phạm khi thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xây dựng và triển khai thực hiện đầy đủ các phương án phòng chống bão lũ, khắc phục hậu quả thiên tai ...

### **5.3. Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng là các rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Để ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro tín dụng, Công ty đã thực hiện các biện pháp:

- Về phải thu của khách hàng: Chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Về tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam.

### **5.4. Rủi ro thanh khoản:**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

### **5.5. Rủi ro thị trường:**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

- Đối với rủi ro ngoại tệ: Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

- Đối với rủi ro lãi suất: Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2018**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh thực hiện 2018 với	
						Thực hiện 2017 (%)	Kế hoạch 2018 (%)
1	Doanh thu	Tr.đ	161.944,940	173.594,000	307.020,273	189,6	176,9
2	Chi phí	Tr.đ	158.524,6734	170.094,000	300.488.561	189,6	176,7
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	3.420,266	3.500,000	6.531,712	191,0	186,6
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	2.723,887	2.800,000	4.155,649	152,6	148,4

\* Tình hình hoạt động SXKD năm 2018 có nhiều tiến triển, đạt mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2017, cụ thể: doanh thu tăng 89,60%, lợi nhuận sau thuế tăng 52,60% .

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Bùi Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Như Bình	Thành viên HĐQT
3	Đặng Trung Thiết	Thành viên HĐQT

#### Sơ yếu lý lịch HĐQT:

##### ❖ Ông Bùi Văn Quang - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	: Bùi Văn Quang
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 22/02/1970
Nơi sinh	: Phường 3, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 09 Vạn Kiếp, Phước Tân, Nha Trang, Khánh Hòa
Số CMND	: 225594613
Điện thoại liên hệ	: 0913452321
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cầu đường sắt
Chức vụ hiện nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh
Quá trình công tác	- Từ tháng 9/1988 - 12/1997: Công nhân du tu cầu - Xí

	<p>ng nghiệp Quản lý đường sắt Phú Khánh.</p> <p>- Từ 01/1998 - 3/2000: Kỹ thuật viên - Xí nghiệp Quản lý đường sắt Phú Khánh.</p> <p>- Từ 04/2000 - 5/2005: Đội phó Đội Quản lý đường sắt Ninh Hòa - Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</p> <p>- Từ 06/2005 - 07/2010: Đội phó Đội Quản lý Đường sắt Nha Trang – Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</p> <p>- Từ 8/2010 - 6/2015: Đội trưởng Đội Quản lý Đường sắt Nha Trang - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</p> <p>- Từ 7/2015 - 11/2015: Phó Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</p> <p>- Tháng 12/2015: Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</p> <p>- Từ 01/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đường sắt Phú Khánh.</p>
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 511.762 cổ phần
<b>Trong đó:</b>	
- Sở hữu cá nhân	: 1.762 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 510.000 cổ phần của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam Tỷ lệ: 25,5%

**❖ Ông Nguyễn Như Bình – Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty**

Họ và tên	: Nguyễn Như Bình
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 07/12/1962
Nơi sinh	: Hoàng Phúc, Hoàng Hóa, Thanh Hóa
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Văn Khê, La Khê, Hà Đông, Hà Nội
Số CMND	: 171860050
Điện thoại liên hệ	: 0913293935
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng đường sắt
Chức vụ hiện nay	: Bí thư Đảng ủy, ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh
Quá trình công tác	- Từ tháng 3/1979 - 4/1982: Bộ đội đoàn 403 Hải quân -



	<p>Quân chủng Hải quân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 5/1982 - 8/1985: Học tập và lao động tại địa phương (xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa).</li> <li>- Từ 9/1985 - 5/1991: sinh viên trường Đại học giao thông vận tải Hà Nội.</li> <li>- Từ 6/1991 - 9/2001: Cán bộ kỹ thuật, Đội trưởng đội Công trình, Trưởng phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Đường sắt Thanh Hóa.</li> <li>- Từ 10/2001 - 12/2004: Phó Giám đốc - Công ty Quản lý Đường sắt Thanh Hóa.</li> <li>- Từ 01/2005 - 6/2011: Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Quản lý Đường sắt Thanh Hóa.</li> <li>- Từ 7/2011 - 8/2013: Trưởng Ban quản lý đầu tư và xây dựng Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.</li> <li>- Từ 9/2013 - 01/2014: Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 2/2014 - 11/2015: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Tháng 12/2015: Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 01/2016 đến nay: Bí thư Đảng ủy, thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.</li> </ul>
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 775.797 cổ phần
<b>Trong đó:</b>	
- Sở hữu cá nhân	: 265.797 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 510.000 cổ phần của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam Tỷ lệ: 25,5%

**❖ Ông Đặng Trung Thiết - Ủy viên HĐQT**

Họ và tên	: Đặng Trung Thiết
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 09/12/1973
Nơi sinh	: Thành Lợi, Vụ Bản, Nam Định

Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 2/2 Đinh Tiên Hoàng, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa
Số CMND	: 225202837
Điện thoại liên hệ	: 0913408088
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư xây dựng cầu đường.
Chức vụ hiện nay	: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh, Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 10/1996 - 8/1997: Thống kê - Đội Cơ khí - Vận tải - Xí nghiệp Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 9/1997 - 12/1998: Kế hoạch viên - Phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 01/1999 - 8/2001: Phó phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 9/2001- 01/2002: Quyền Trưởng phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 02/2002 - 12/2015: Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 01/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư - Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh</li> </ul>
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 1.558 cổ phần
<b><i>Trong đó:</i></b>	
- Sở hữu cá nhân	: 1.558 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

**2.2. Ban giám đốc:**

**Sơ yếu lý lịch Ban giám đốc:**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Như Bình	Giám đốc
2	Phan Văn Thuyên	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc
4	Nguyễn Đức Hợp	Phó Giám đốc

- ❖ Ông Nguyễn Như Bình - Giám đốc kiêm UV. HĐQT (Đã nêu ở trên)
- ❖ Ông Phan Văn Thuyên - Phó Giám đốc

Họ và tên	: Phan Văn Thuyên
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 08/08/1959
Nơi sinh	: Nam Thượng, Nam Đàn, Nghệ An
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 17/25 Tô Vĩnh Diện, P. Phương Sài, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.
Số CMND	: 220900976
Điện thoại liên hệ	: 0913460244
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư đường sắt
Chức vụ hiện nay	: Phó Giám đốc
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 4/1983-3/1988: Kỹ thuật viên - XN Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 4/1988-12/1988; Phó phòng Kỹ thuật - XN Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 01/1989-6/1994: Đội trưởng Đội Quản lý Đường sắt Đèo Cả - XN Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 7/1994-3/1998: Đội trưởng Đội Quản lý Đường sắt Tuy Hòa - XN Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 4/1998-11/2000: Trưởng phòng Kỹ thuật - XN Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 12/2000 đến nay: Phó giám đốc - Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh (Nay là Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh).</li> </ul>
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 2.168 cổ phần
<b>Trong đó:</b>	
- Sở hữu cá nhân	: 2.168 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	: 5.282 cổ phần trong đó: - Phan Anh Tuấn (con ruột): 406 cổ phần - Phan Văn Thăng (Em ruột): 2.099 cổ phần - Phan Văn Thước (Em ruột): 1.490 cổ phần - Phan Văn Thoản (Em ruột): 1.287 cổ phần.
--	--

**❖ Ông Nguyễn Văn Hào - Phó Giám đốc**

Họ và tên	: Nguyễn Văn Hào
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 23/03/1965
Nơi sinh	: Thụy Lôi, Kim Bảng, Nam Định
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 51 Trịnh Phong, P. Tân Lập, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
Số CMND	: 225136552
Điện thoại liên hệ	: 0913460342
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư đường sắt.
Chức vụ hiện nay	: Phó Giám đốc
Quá trình công tác	- Từ 12/1989-6/1992: Kỹ thuật viên – XN Đường sắt Phú Khánh. - Từ 7/1992-3/2001: Phó phòng Kỹ thuật - XN Đường sắt Phú Khánh. - Từ 4/2001-11/2002: Trưởng phòng Kỹ thuật - XN Đường sắt Phú Khánh. - Từ 12/2002 đến nay: Phó giám đốc - Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh (Nay là Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh).
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 1. 830 cổ phần
<b>Trong đó:</b>	
- Sở hữu cá nhân	: 1. 830 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

❖ Ông Nguyễn Đức Hợi - Phó Giám đốc

Họ và tên	: Nguyễn Đức Hợi
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 12/9/1983
Nơi sinh	: Thanh Giang, Thanh Chương, Nghệ An
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 45 Vạn An, khối Liên Cơ, Phường Hưng Bình, TP. Nghệ An
Số CMND	: 186013335
Điện thoại liên hệ	: 0975.483.445
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cầu đường
Chức vụ hiện nay	: Phó Giám đốc
Quá trình công tác	<p>- Từ 3/2008 - 11/2012: Kỹ sư phòng Kỹ thuật – Công nghệ - Công ty cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt.</p> <p>- Từ 12/2012 - 12/2013: Chuyên viên ban chuẩn bị đầu tư các dự án Đường sắt – Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.</p> <p>- Từ 01/2014 - 5/2014: Chuyên viên ban chuẩn bị đầu tư – Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.</p> <p>- Từ 6/2014 –11/2015: Chuyên viên Tổ tổng hợp – Văn phòng Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.</p> <p>- Từ 12/2015 đến nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh</p>
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 4.606 cổ phần
<b>Trong đó:</b>	
- Sở hữu cá nhân	: 4.606 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

**2.3. Kế toán trưởng**

Họ và tên	: Nguyễn Thị Lan Anh
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 20/11/1977
Nơi sinh	: Nha Trang, Khánh Hòa
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 11/6B Nguyễn Thiện Thuật, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa
CMND	: 225047958
Điện thoại liên hệ	: 0935401600
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	: Kế toán trưởng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 8/1998 - 6/2004: Kế toán - Đài khí tượng thủy văn Nam Trung Bộ</li> <li>- Từ 12/2007 - 5/2010: Kế toán - Trường cao đẳng văn hóa và du lịch Nha Trang.</li> <li>- Từ 6/2010 - 11/2014: Kế toán - Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>- Từ 12/2014 - 7/2015: Phó phòng Tài chính - Kế toán - Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>Từ 8/2015 – 11/2015: Phó phòng phụ trách phòng Tài chính – Kế toán – Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Phú Khánh.</li> <li>Từ 12/2015 đến nay: Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.</li> </ul>
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 8.554 cổ phần
<b>Trong đó:</b>	
- Sở hữu cá nhân	: 8.554 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

\* Trong năm 2018, Công ty không có sự thay đổi nhân sự Ban điều hành.

**2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên và cơ cấu lao động; Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:**

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I. Tổng số CBCNV:</b>	<b>726</b>	<b>100%</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Người quản lý công ty	07	0,96%
- Lao động gián tiếp	51	7,02%
- Lao động trực tiếp	668	92,01%
<b>II. Phân loại theo trình độ:</b>		
- Cán bộ có trình độ trên đại học	01	0,14%
- Cán bộ có trình độ đại học	76	10,47%
- Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	109	15,01%
- Trình độ sơ cấp, phổ thông	540	74,38%
- Lao động phổ thông	0	0
<b>III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động</b>		
- Không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	07	0,96%
- HĐLĐ không xác định thời hạn	701	96,56%
- HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	18	2,47%
- HĐLĐ theo mùa vụ hoặc có thời hạn < 12 tháng	0	0%

✓ **Tóm tắt chính sách đối với người lao động:**

- Chính sách trả lương:

+ Tiền lương, phụ cấp và thu nhập khác trả cho người lao động theo nguyên tắc làm việc nào, giữ chức vụ gì được trả lương theo công việc, chức vụ đó; khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm, gắn bó với đơn vị và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

+ Tiền lương được trả theo các hình thức: Lương sản phẩm, lương khoán, lương thời gian nhằm khuyến khích mọi người lao động nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả công việc.

- Chính sách khen thưởng: Người lao động có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất hoặc đạt danh hiệu trong các phong trào thi đua do Công ty phát động sẽ được khen thưởng theo Quy chế thi đua – khen thưởng của Công ty.

- Người lao động được hưởng các chế độ có lợi hơn theo Thỏa ước lao động tập thể như: *Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho NLD đi học để nâng cao trình độ, nếu có nguyện vọng tự túc đi học những ngành nghề mà Công ty có nhu cầu sử dụng thì được Công ty hỗ trợ toàn bộ kinh phí đóng BHXH, BHYT, BHTN; được nghỉ làm việc 01 tháng hưởng lương trước thời điểm nghỉ hưu; được nghỉ một ngày: khi ông bà nội, ngoại, anh chị em ruột chết; bố mẹ kết hôn; anh chị em ruột kết hôn* ...

### **3. Tình hình tài chính**

#### *3.1. Tình hình tài chính:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>% Tăng/Giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	226.951.073.843	93.241.632.946	-58,9%
Doanh thu thuần	161.528.970.527	306.988.149.228	90,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.291.495.009	10.593.198.044	221,8%
Lợi nhuận khác	128.771.213	-4.061.486.003	-3254,0%
Lợi nhuận trước thuế	3.420.266.222	6.531.712.041	91,0%
Lợi nhuận sau thuế	2.723.886.939	4.155.649.340	52,6%

#### *3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>
<b><i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,06	1,24
Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,37	1,00
<b><i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></b>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,90	0,74
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	8,90	2,78
<b><i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></b>			
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ	Lần	1,37	3,44
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	-	0,71	3,29



<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	2,00	1,00
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	12,00	17,00
Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	1,00	4,00
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,00	3,00

#### **4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

##### **4.1. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.000.000 cổ phần
- Trong đó: + Cổ phần tự do chuyển nhượng: 2.000.000 cổ phần
- + Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- + Cổ phiếu quỹ: 0

##### **4.2. Cơ cấu cổ đông:**

- Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:
  - + Cổ đông lớn: 02 cổ đông nắm giữ 1.285.797 cổ phần (64,29%)
  - + Cổ đông nhỏ: nắm giữ 714.203 cổ phần (35,71%)
- Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:
  - + Tổ chức: 1.020.000 cổ phần (51%)
  - + Cá nhân: 980.000 cổ phần (49%)
- Cổ đông nước ngoài, cổ đông trong nước:
  - + Cổ đông nước ngoài: 0 cổ phần (0%)
  - + Nhà đầu tư trong nước: 2.000.000 cổ phần (100%)

##### **4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

\* Năm 2018, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

#### **5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

##### **5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Nguyên vật liệu được Công ty sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là các vật tư chuyên dùng như: Ray, Ghi, Tâm Ghi, Tà vẹt các loại, phụ kiện liên kết (lập lách, đinh, cóc, ...) và các nguyên vật liệu thông thường khác như: Xi măng, Sắt, Cát, Đá ... Tất cả các nguyên vật liệu đều được mua sắm, kiểm nghiệm theo đúng Quy chế quản lý vật tư, hàng hóa của Công ty và có nhãn hiệu, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được sử dụng đúng định mức quy định, không để xảy ra tình trạng tiêu hao quá mức.

- Tổng lượng nguyên vật liệu chủ yếu được sử dụng trong năm:

Stt	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ray P50 – L=25m	Thanh	198
2	Ghi	Bộ	0
3	Tâm Ghi	Cái	10
4	Tà vẹt gỗ các loại	Thanh	1.450
5	Tà vẹt bê tông DUỖ TN1	Thanh	23.580
6	Tà vẹt sắt	Thanh	800
7	Đá 2,5x5	m <sup>3</sup>	14.518

**5.2. Tiêu thụ năng lượng:**

- Nhiên liệu được sử dụng chủ yếu cho các máy móc thiết bị phục vụ thi công cơ giới, phương tiện vận chuyển vật tư, hàng hóa và phục vụ các đoàn kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm. Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ trong năm:

+ **Xăng: 17.716 lít;**

+ **Dầu Diezen: 28.407 lít.**

- Điện được sử dụng để phục vụ chiếu sáng tại các chắn đường ngang, chốt gác, văn phòng làm việc Cung, Đội, Cơ quan Công ty. Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm là **351.491 KW**.

**5.3. Tiêu thụ nước:**

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm là **18.075 m<sup>3</sup>**, chủ yếu được dùng phục vụ sinh hoạt tại các chắn đường ngang, chốt gác, văn phòng làm việc Cung, Đội, Cơ quan Công ty. Nguồn nước được cung cấp từ các Công ty cấp nước của địa phương.

**5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

**5.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

**5.5.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

- Lao động bình quân năm 2018: **726 người;**

- Thu nhập bình quân năm 2018: **8.969.000 đồng/người/tháng.**

**5.5.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật nhà nước về Lao động, An toàn vệ sinh lao động như: Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; Tổ chức thực hiện đầy đủ Quy trình, quy phạm, biện pháp làm việc an toàn lao động; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; Thực hiện chế độ bồi dưỡng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại; Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động.

- Sử dụng quỹ phúc lợi đúng mục đích, có hiệu quả theo Quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi của Công ty với các khoản chi như: Đầu tư xây dựng công trình phúc lợi; Trợ cấp khó khăn đột xuất cho CBCNV; Tổ chức tham quan, du lịch và hoạt động văn hóa, thể thao ...

**5.5.3. Hoạt động đào tạo người lao động:**

Stt	Nội dung đào tạo	Số lượng người tham gia
1	Sát hạch định kỳ quy trình, quy phạm đường sắt	567
2	Gác chắn đường ngang	28
3	Đấu thầu	07
4	Huấn luyện định kỳ An toàn vệ sinh lao động	616
5	Thi nâng bậc	82

**5.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Đoạn tuyến Công ty quản lý là 283 Km đường sắt Thống nhất từ Km 1096+200 đến Km 1378+200, đi qua 03 tỉnh Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa, vấn đề quan tâm nhất của Công ty liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là bảo đảm an toàn tài sản, tính mạng của nhân dân địa phương khi tham gia giao thông qua lại tại các đường ngang (nơi giao cắt giữa đường sắt với đường bộ). Hiện nay, trên toàn tuyến đường sắt Công ty đang quản lý, ngoài 143 đường ngang hợp pháp (trong đó có: 52 đường ngang có người gác, 51 đường ngang cảnh báo tự động có cần chắn tự động, 06 đường ngang cảnh báo tự động, 34 đường ngang phòng vệ bằng biển báo), còn có 274 lối đi tự mở tiềm ẩn nguy cơ uy hiếp đến an toàn chạy tàu và an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân địa phương khi tham gia giao thông qua lại tại các vị trí này. Nhận thức được trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, trong năm qua, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm đảm bảo an toàn như sau:

+ Đối với các lối đi dân sinh: rào thu hẹp 199 lối đi, phối hợp với địa phương cảnh giới tại 19 vị trí.

+ Đối với các đường ngang hợp pháp: Lắp đặt và bố trí trực Camera theo dõi, giám sát, hỗ trợ tích cực cho công tác bảo đảm an toàn chạy tàu tại 52 chắn đường ngang; nâng cấp 12 đường ngang từ phòng vệ bằng biển báo lên cảnh báo tự động có cần chắn; đề nghị Tổng công ty ĐSVN phê duyệt và bố trí chính thức đội hình lên ban 02 người đối với 06 chắn đường ngang trước đây bố trí lên ban chỉ 01 người; bố trí công nhân tăng cường tại 03 vị trí chắn đường ngang; sửa chữa bảo đảm an toàn 43 đường ngang và bổ sung 46 biển báo các loại; phát cây bảo đảm tầm nhìn và sơn đầy đủ vạch dừng, vạch nhường đường tại tất cả các đường ngang; tăng cường công tác kiểm tra từ lãnh đạo Công ty đến các phòng/ban, đội, cung, nhất là kiểm tra sau 22 giờ.

+ Phối hợp với Ban ATGT, Công an tỉnh Khánh Hòa, tổ chức tuyên truyền an toàn giao thông đường sắt tại 05 xã, phường với gần 600 hộ dân tham gia.

- Trách nhiệm với cộng đồng địa phương của Công ty còn được thể hiện thông qua việc tham gia các hoạt động xã hội như: Hỗ trợ bếp ăn nhân đạo Bệnh viện Tâm thần tỉnh Khánh Hòa số tiền 3.000.000 đồng; Giúp đỡ đồng bào các xã nghèo theo phân công của UBND tỉnh Khánh Hòa số tiền 7.000.000 đồng.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **1.1. Đánh giá chung:**

- Các hoạt động của Ban Giám đốc luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ, Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT ban hành.

- Ban Giám đốc Công ty luôn chủ động, tích cực chỉ đạo, điều hành các Phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị hiện trường triển khai, tổ chức thực hiện đạt được các chỉ tiêu chủ yếu với mức tăng trưởng đáng kể, cụ thể như: Doanh thu tăng 89,60% so với cùng kỳ năm 2017 và tăng 76,90% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế tăng 52,60% so với năm 2017 và tăng 48,40% so với kế hoạch.

##### **1.2. Kết quả thực hiện trong các mặt công tác:**

###### **1.2.1. Công tác quản lý kỹ thuật – an toàn:**

Tổ chức điều tra khối lượng để phục vụ công tác xây dựng kế hoạch sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt; Phân công cán bộ kỹ thuật bám sát hiện trường, thường xuyên theo dõi, giám sát và chỉ đạo công tác tổ chức thi công nhằm bảo đảm an toàn, chất lượng và tiến độ; Tổ chức nghiệm thu khối lượng sản phẩm của các đơn vị hiện trường; Thường xuyên tổ chức kiểm tra trạng thái cầu, đường, hầm để đề xuất biện pháp cải tạo khôi phục các vị trí xung yếu và lập kế hoạch đầu tư nâng cấp ... Chính vì vậy, nên trong năm qua, Công ty đã giữ ổn định trạng thái, chất lượng cầu – đường và duy trì tốc độ chạy tàu bình quân 78,78 km/h, theo đúng quy định công lệnh tốc độ.

###### **1.2.2. Công tác kế hoạch và vật tư:**

- Tổ chức thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ công tác như: Lập và trình duyệt hồ sơ phương án giá, phương án tác nghiệp sửa chữa thường xuyên định kỳ của các quý và cả năm; Lập các hồ sơ tham gia đấu thầu và thanh toán các công trình đấu thầu trong và ngoài ngành; Thanh quyết toán khối lượng sửa chữa thường xuyên định kỳ và các công trình ngoài công ích; Cân đối đầy đủ kinh phí bảo đảm hoàn thành 100% khối lượng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN.

- Mua sắm và cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng chủng loại các loại vật tư phục vụ sản xuất và được sử dụng đúng định mức quy định, không để xảy ra tình trạng tiêu hao quá mức; Tổ chức kho bãi vật tư ngăn nắp, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng vật tư thiết bị đúng quy định; Thực hiện tốt công tác thu hồi, phân loại, bảo quản các loại vật tư thay ra.

###### **1.2.3. Công tác quản lý tài chính:**

- Tổ chức quản lý chặt chẽ, bảo đảm nguồn vốn phục vụ SXKD; Sổ sách thanh quyết toán được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc; Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả

được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và được mở sổ theo dõi chi tiết đến từng đối tượng; Đảm bảo việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn; Bảo toàn vốn góp của cổ đông.

- Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 theo đúng quy định của pháp luật về tài chính.

#### **1.2.4. Công tác tổ chức, nhân sự:**

- Tổ chức sắp xếp, bố trí và điều động lao động hợp lý bảo đảm hoàn thành khối lượng kế hoạch SXKD; Tham mưu thành lập, bố trí đầy đủ nhân sự và bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị cho phòng Đường ngang và Máy thi công, đi vào hoạt động.

- Xây dựng phương án giá sản phẩm dịch vụ công ích trong lĩnh vực bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; Xây dựng định mức lao động năm 2018.

- Tham mưu tuyển dụng lao động và đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty.

#### **1.2.5. Chăm lo đời sống người lao động và thực hiện chế độ chính sách:**

- Tích cực tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 8.969.000 đồng/người/tháng, tăng 21,10% so với năm 2017.

- Phối hợp với Công đoàn Công ty, tổ chức các hoạt động như: Tổ chức tham quan, du lịch cho 45 CBCNV tham gia; Tổ chức 06 đợt hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao tại các khu vực trong Công ty thu hút 147 lượt người tham gia, ...

- Công khai minh bạch, bảo đảm công bằng các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, xét nâng lương hàng năm.

- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật nhà nước về đóng BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

- Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như: Giải quyết chế độ hưu trí; Mua sắm trang cấp đầy đủ các trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và đồng phục cho người lao động; Thực hiện chế độ bồi dưỡng hiện vật đối với người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại; Lập hồ sơ đề nghị Cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết đầy đủ các chế độ về trợ cấp TNLĐ, nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe, chế độ ốm đau, thai sản; Các chế độ quyền lợi của người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể cũng được giải quyết đầy đủ, kịp thời.

#### **1.2.6. Phong trào thi đua:**

- Lãnh đạo Chuyên môn và Công đoàn Công ty đã phối hợp phát động toàn thể CBCNV hưởng ứng các phong trào như: Thi đua thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2018; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp; phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; Duy trì phong trào “Chính quy – Văn hóa – An toàn”. Công ty đã chi khen thưởng tổng kết thi đua năm 2018 với số tiền 157.100.000 đồng.

## 2. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính được thể hiện đầy đủ trong Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán (có Báo cáo kèm theo).

### 2.1. Tình hình tài sản:

Giá trị tăng tài sản trong năm 2018 là **19.113.830.339 đồng**, trong đó:

- + Máy móc thiết bị (Dàn đèn phục vụ công tác cứu chữa, khắc phục hậu quả thiên tai): 91.800.000 đồng;
- + Phương tiện quản lý (Hệ thống Camera): 448.688.180 đồng;
- + 48 căn hộ cho thuê: 18.573.342.159 đồng.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả:

Công ty luôn tích cực thanh toán công nợ đối với các đơn vị có quan hệ giao dịch nên không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn.

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trên cơ sở định hướng phát triển chung của Công ty, Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ công tác như sau:

- Chủ động tham mưu cho Hội đồng quản trị các phương án, giải pháp thực hiện và tích cực, năng động trong công tác chỉ đạo, điều hành các phòng chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị sản xuất hoàn thành các nhiệm vụ SXKD và đạt được các chỉ tiêu chủ yếu về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đề ra.

- Chú trọng công tác xây dựng kế hoạch phát triển, bồi dưỡng và đào tạo lực lượng lao động có tay nghề, bậc thợ cao, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Công tác quản trị tài chính tiếp tục được củng cố. Việc tuân thủ các quy định tài chính kế toán sẽ được giám sát chặt chẽ để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Nhà nước. Giám sát việc luân chuyển vốn, quản lý dòng tiền hiệu quả. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân các dự án, tăng cường khai thác các nguồn vốn ưu đãi.

- Nâng cao quản trị chất lượng nội bộ. Hệ thống giám sát nội bộ tiếp tục được củng cố để kiểm soát chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm đảm bảo nhất quán trong việc kiểm soát chất lượng của mọi sản phẩm và dịch vụ làm ra.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Tình hình hoạt động:

#### 2.1. Công tác quản lý và chỉ đạo:

- Trong quý I/2018, HĐQT đã tích cực chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy giúp việc chuẩn bị tốt các nội dung công tác nhất là việc xây dựng các tài liệu (Báo cáo, Tờ trình) bảo đảm tính xác thực và định hướng đúng đắn nên đã tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 với tinh thần nhất trí cao đối với những vấn đề được thảo luận và thông qua tại cuộc họp.

- Căn cứ vào nhiệm vụ phân công, từng thành viên HĐQT thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các thành viên Ban điều hành và phòng chuyên môn

nghiệp vụ triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao.

- Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp 03 cuộc, lấy ý kiến bằng phiếu biểu quyết 12 lần; ban hành 15 Nghị quyết và 08 Quyết định thống nhất về chủ trương, định hướng làm cơ sở pháp lý để quản lý, chỉ đạo các hoạt động của Công ty (các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đều được đăng trên trang thông tin điện tử - Website của Công ty).

- Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ công tác quý trước, xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục và giao kế hoạch, nhiệm vụ công tác quý sau.

- Chỉ đạo bộ máy giúp việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty nhằm bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông như: nhận cổ tức đúng thời gian quy định, được nắm bắt đầy đủ các thông tin công bố theo quy định một cách trung thực, minh bạch.

## **2.2. Công tác giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý:**

- Thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất và trên cơ sở các báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD hàng quý của Giám đốc Công ty, HĐQT đã nắm bắt những những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chỉ đạo, điều hành, từ đó đã cùng với Ban Giám đốc thảo luận, bàn bạc để đưa ra các giải pháp tháo gỡ kịp thời và hiệu quả.

- Các hoạt động của Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty, luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ, các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

- HĐQT đánh giá cao kết quả hoạt động chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Công ty trong việc triển khai, tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT với mức tăng trưởng cao.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

- Các hoạt động của Ban Giám đốc Công ty luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ, Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT ban hành.

- Ban Giám đốc Công ty luôn chủ động, tích cực trong việc triển khai, tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu theo Nghị quyết/Quyết định của HĐQT giao. Đặc biệt trong công tác tổ chức ứng phó, cứu chữa khắc phục hậu quả thiên tai bão lũ xảy ra trong năm 2018 như: Chủ động, tích cực triển khai, tổ chức thực hiện các phương án phòng chống bão lũ; Chỉ đạo các đơn vị tổ chức tốt công tác tuần tra, chốt gác chặt chẽ nhất là các điểm xung yếu; Luôn bám sát hiện trường, kiểm tra và thống nhất phương án cứu chữa khắc phục kịp thời hậu quả thiên tai do bão số 8 và số 9 gây ra làm trôi đá, xói lở nền đường, xói lở chân khay các tú nón, lở nền đất ở các tầng xê ... tại 23 điểm trải dài trên tuyến thuộc 06 khu gian khác nhau.

Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng đã tích cực, chỉ đạo quyết liệt trong việc thực hiện hoàn thành dự án “*Chung cư Đường sắt Nha Trang*” như: đã bàn giao 234 căn hộ cho khách hàng mua và 48 căn hộ cho thuê, đồng thời đã làm xong các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho các khách hàng.

## **3. Kế hoạch, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị**

**3.1. Kế hoạch SXKD:**

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD đạt được trong năm 2018 và Quyết định số 2226/QĐ-ĐS ngày 28/12/2018 của Tổng Công ty ĐSVN về việc đặt hàng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS quốc gia năm 2019 cho các Công ty CPĐS, các Công ty CPTTTHĐS;

*Hội đồng quản trị Công ty thống nhất đề ra các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2019 để trình ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua như sau:*

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Vốn điều lệ	Đồng	20.000.000.000
2	Doanh thu	Đồng	189.217.000.000
3	Chi phí	Đồng	185.573.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.915.200.000
5	Cổ tức	%	10,20

**3.2. Phương hướng hoạt động:**

Năm 2019, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh một số hoạt động như sau:

- Chỉ đạo Ban điều hành, bộ máy giúp việc chuẩn bị đầy đủ các nội dung công tác nhất là các Báo cáo, Tờ trình bảo đảm chất lượng phản ánh đúng đắn, xác thực các mặt hoạt động của Công ty để tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Xây dựng chủ trương, định hướng hoạt động SXKD của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đề ra; Tích cực trong công tác quản lý, kiểm tra, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành, bộ máy giúp việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, công tác nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT đề ra.

- Tiếp tục nghiên cứu thống nhất chủ trương về phương án đầu tư, khai thác hiệu quả tài sản trên đất tại các khu đất: số 02 Yersin, Tp. Nha Trang và số 02 Đinh Tiên Hoàng, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; số 87 Lê Trung Kiên, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn, củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu quả; Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ tham gia học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ; Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn theo quy hoạch nhằm bảo đảm tính kế thừa và phát huy vai trò, năng lực trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành Công ty.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty nhằm thể hiện vai trò là cơ quan quản lý Công ty trong việc quyết định các vấn đề được ĐHĐCĐ giao và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Quan tâm đến quyền lợi hợp pháp của các cổ đông như: Nhận cổ tức đúng thời gian quy định; Tiếp nhận đầy đủ các thông tin liên quan đến cổ đông theo quy



định của pháp luật về công bố thông tin ...; Quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV Công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2018).

Đơn vị kiểm toán: Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt;

Địa chỉ: số 15, ngõ 640 đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội./.

#### Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT C.ty;
- Ban K.số C.ty;
- Ban GD C.ty;
- Lưu: Tổ QH&Đ.

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2019  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Như Bình

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

*đã được kiểm toán*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 – 5</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 41</b>
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 40
Phụ lục 01: Chi tiết vật tư, hàng hoá giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	41

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh tiền thân là Xí nghiệp Quản lý đường sắt Phú Khánh được thành lập theo quyết định số 879/1998/QĐ/TCCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3706000030 ngày 21 tháng 7 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Xí nghiệp Quản lý đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi thành Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh theo Quyết định 714/QĐ-ĐS ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200285254 ngày 14 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Phú Khánh thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200285254 ngày 08 tháng 01 năm 2017 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động.
- Mua bán và cho thuê bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Như Bình	Ủy viên
Ông Đặng Trung Thiết	Ủy viên

### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Như Bình	Giám đốc
Ông Phan Văn Thuyên	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hợi	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2019

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



CHỖ CHỮ KÝ BAN GIÁM ĐỐC

Số chứng thực..... Quyền số..... SCT/

Ngày..... 05 -03- 2019.....

PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG HUỆ - PHẠM TUẤN  
CÔNG CHỨNG VIÊN



Phạm Anh Tuấn

Số: 31./2019/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Như trình bày tại thuyết minh số V.04, Công ty đang trình bày trên khoản mục “Phải thu khác ngắn hạn” khoản phải thu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam số tiền 1.197.498.987 đồng bao gồm khoản chi phí vận chuyển vật tư thu hồi từ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt với số tiền là 264.025.000 đồng theo Công văn số 729/ĐS-TCKT ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và chi phí đo đất năm 2010 với số tiền là 933.473.987 đồng. Đến thời điểm hiện tại các khoản chi phí nêu trên chưa được quyết toán với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài  
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2018-152-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Thị Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>66.803.370.807</b>	<b>215.634.938.528</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>2.600.592.181</b>	<b>13.897.685.765</b>
1.	Tiền	111		2.600.592.181	6.446.419.098
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	7.451.266.667
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.479.888.071</b>	<b>61.052.761.767</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	54.139.942.580	50.594.645.347
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.003.777.134	2.347.532.353
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	5.056.719.536	8.382.890.267
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(9.720.551.179)	(272.306.200)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>13.271.760.376</b>	<b>140.494.894.577</b>
1.	Hàng tồn kho	141		13.271.760.376	140.494.894.577
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>451.130.179</b>	<b>189.596.419</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	274.133.243	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	176.996.936	189.596.419
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.438.262.139</b>	<b>11.316.135.315</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>348.358.109</b>	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	348.358.109	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.973.262.180</b>	<b>9.917.894.885</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	7.852.732.478	9.797.365.183
	- Nguyên giá	222		31.429.444.487	30.888.956.307
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.576.712.009)	(21.091.591.124)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	120.529.702	120.529.702
	- Nguyên giá	228		120.529.702	120.529.702
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>17.916.641.850</b>	-
1.	Nguyên giá	231		18.573.342.159	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(656.700.309)	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		200.000.000	200.000.000
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>1.198.240.430</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	-	1.198.240.430
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>93.241.632.946</b>	<b>226.951.073.843</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.604.568.717</b>	<b>204.018.160.710</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53.780.476.463</b>	<b>204.018.160.710</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	24.664.677.509	40.870.296.000
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.670.796.039	131.928.305.805
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.939.152.705	1.461.812.098
4.	Phải trả người lao động	314		9.682.264.402	11.618.978.805
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	371.818.182	17.048.256
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.571.981.490	11.974.628.754
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	3.000.000.000	5.237.841.600
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		879.786.136	909.249.392
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.824.092.254</b>	<b>-</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337		9.751.687.306	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		5.072.404.948	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>24.637.064.229</b>	<b>22.932.913.133</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>24.637.064.229</b>	<b>22.932.913.133</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		481.414.889	209.026.194
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.155.649.340	2.723.886.939
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.155.649.340	2.723.886.939
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>93.241.632.946</b>	<b>226.951.073.843</b>

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Đào

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>305.218.560.831</b>	<b>161.017.862.379</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>305.218.560.831</b>	<b>161.017.862.379</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	264.763.913.707	137.234.478.588
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>40.454.647.124</b>	<b>23.783.383.791</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.769.588.397	511.108.148
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	85.839.414	198.881.731
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		85.839.414	198.881.731
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	31.545.198.063	20.804.115.199
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.593.198.044</b>	<b>3.291.495.009</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	32.124.000	415.969.692
12.	Chi phí khác	32	VI.06	4.093.610.003	287.198.479
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(4.061.486.003)</b>	<b>128.771.213</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.531.712.041</b>	<b>3.420.266.222</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.376.062.701	696.379.283
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>4.155.649.340</b>	<b>2.723.886.939</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.09</b>	<b>2.078</b>	<b>1.089</b>
19.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.10</b>	<b>2.078</b>	<b>1.089</b>

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Đào

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		184.389.212.409	260.317.379.755
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(88.484.318.107)	(144.375.833.515)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(72.880.357.068)	(59.229.382.704)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(102.887.670)	(225.043.472)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.327.238.517)	(1.723.125.349)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.394.775.809	3.861.738.719
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(42.748.547.637)	(47.564.149.309)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.759.360.781)</b>	<b>11.061.584.125</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(163.479.600)	(1.413.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.769.588.397	511.108.148
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.606.108.797</b>	<b>(901.891.852)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		15.499.284.384	17.182.976.078
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.737.125.984)	(25.304.153.053)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.906.000.000)	(1.464.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.143.841.600)</b>	<b>(9.585.176.975)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(11.297.093.584)</b>	<b>574.515.298</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>13.897.685.765</b>	<b>13.323.170.467</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>2.600.592.181</b>	<b>13.897.685.765</b>

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Đào



Nguyễn Thị Lan Anh


  
 Nguyễn Như Bình

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2018**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn giao thông đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình giao thông đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang thiết bị dụng cụ lao động.
- Bán và cho thuê bất động sản.

#### **04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

#### **Khấu hao**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

25 năm

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

#### ***Dự phòng bảo hành công trình xây dựng***

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% tương ứng với diện tích các căn hộ đã bán. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xuân Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Trong năm 2018, hoạt động bán nhà ở xã hội và cho thuê nhà ở xã hội thuộc dự án Chung cư đường sắt của Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10%. Các hoạt động kinh doanh còn lại theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	2.600.592.181	6.446.419.098
+ Tiền mặt	102.595.877	127.574.695
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.497.996.304	6.318.844.403
- Các khoản tương đương tiền	-	7.451.266.667
<b>Cộng</b>	<b><u>2.600.592.181</u></b>	<b><u>13.897.685.765</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý(*)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý(*)</i>
+ Công ty Cổ phần Vật tư đường sắt Sài Gòn	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(*)</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(*)</b>

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm giữ 2.000 cổ phiếu (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu) tại Công ty Cổ phần Vật tư đường sắt Sài Gòn.

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>54.139.942.580</b>	<b>50.594.645.347</b>
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	36.546.554.395	34.428.961.205
- Công ty Cổ phần Công trình 793	7.149.870.000	7.149.870.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	10.443.518.185	9.015.814.142
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>54.139.942.580</b>	<b>50.594.645.347</b>

**Trong đó:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	39.935.127.395	35.429.551.205

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.056.719.536</b>	<b>(2.186.521.179)</b>	<b>8.382.890.267</b>	-
- Tạm ứng	328.519.002	-	648.622.563	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	265.468.942	-
- Phải thu khác	4.728.200.534	(2.186.521.179)	7.468.798.762	-
+ Phải thu người lao động thuế TNCN	-	-	65.582.985	-
+ Cước vận chuyển 500 thanh ray Dự án K1, K2	264.025.000	-	264.025.000	-
+ Chênh lệch điều chỉnh giảm giá 122 thanh ray áo sử dụng 2015	-	-	1.018.767.100	-
+ Chênh lệch điều chỉnh giảm giá 118 thanh ray áo sử dụng 2017	-	-	985.364.900	-
+ Tổng Công ty ĐSVN - Chi phí đo đất năm 2010	933.473.987	-	933.473.987	-
+ Tổng Công ty ĐSVN – Công nợ giao dịch	982.474.757	-	-	-
+ Thuế TNDN tạm nộp của dự án chung cư đường sắt Nha Trang	-	-	1.464.433.678	-
+ Ông Đinh Văn Hóa <sup>(a)</sup>	2.186.521.179	(2.186.521.179)	2.234.305.350	-
+ Các khoản phải thu khác	361.705.611	-	502.845.762	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>348.358.109</b>	-	-	-
- Các khoản phải thu dài hạn khác	348.358.109	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.405.077.645</b>	<b>(2.186.521.179)</b>	<b>8.382.890.267</b>	-

(a): Khoản phải thu ông Đinh Văn Hóa về tiền bồi thường thiệt hại tai nạn giao thông đường sắt giữa tàu SQN4 với xe ô tô tải do lỗi của ông Đinh Văn Hóa không thực hiện đúng quy trình tác nghiệp đón tiễn tàu SQN4 đi qua đường ngang. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vân Canh đã ra quyết định khởi tố vụ án “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt”.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	190.862.000	-	190.862.000	57.258.600
- Ban quản lý các dự án ĐT và XD thành phố Tuy Hòa	11.314.000	-	11.314.000	-
- Xí nghiệp 305 - Công ty Cổ phần ĐT và XD Công trình 3	117.876.000	-	117.876.000	35.362.800
- Xí nghiệp 303 - Công ty Cổ phần ĐT và XD Công trình 3	64.108.000	-	64.108.000	19.232.400
- Công ty CP Công trình 793	7.149.870.000	-	7.149.870.000	7.149.870.000
- Ông Đinh Văn Hóa	2.186.521.179	-	2.186.521.179	2.186.521.179
<b>Cộng</b>	<b>9.720.551.179</b>	<b>-</b>	<b>9.720.551.179</b>	<b>9.448.244.979</b>

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	7.340.021.877	-	7.055.630.837	-
- Công cụ, dụng cụ	537.999.859	-	544.832.185	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.393.738.640	-	132.894.431.555	-
<b>Cộng</b>	<b>13.271.760.376</b>	<b>-</b>	<b>140.494.894.577</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.575.512.496</i>	<i>7.013.458.367</i>	<i>10.097.980.262</i>	<i>202.005.182</i>	<i>30.888.956.307</i>
- Mua trong năm	-	91.800.000	-	448.688.180	540.488.180
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>13.575.512.496</i>	<i>7.105.258.367</i>	<i>10.097.980.262</i>	<i>650.693.362</i>	<i>31.429.444.487</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.156.878.340</i>	<i>3.579.119.609</i>	<i>7.193.046.961</i>	<i>162.546.214</i>	<i>21.091.591.124</i>
- Khấu hao trong năm	1.049.541.596	641.396.785	753.135.704	41.046.800	2.485.120.885
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh theo kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>11.206.419.936</i>	<i>4.220.516.394</i>	<i>7.946.182.665</i>	<i>203.593.014</i>	<i>23.576.712.009</i>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.418.634.156</i>	<i>3.434.338.758</i>	<i>2.904.933.301</i>	<i>39.458.968</i>	<i>9.797.365.183</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>2.369.092.560</i>	<i>2.884.741.973</i>	<i>2.151.797.597</i>	<i>447.100.348</i>	<i>7.852.732.478</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 2.176.584.210 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	120.529.702	120.529.702
- Mua trong năm	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	120.529.702	120.529.702
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	120.529.702	120.529.702
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	120.529.702	120.529.702

**09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	-	18.573.342.159	-	18.573.342.159
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	18.573.342.159	-	18.573.342.159
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	656.700.309	-	656.700.309
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	656.700.309	-	656.700.309
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	-	17.916.641.850	-	17.916.641.850
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	17.916.641.850	-	17.916.641.850
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***10. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>274.133.243</b>	<b>-</b>
- Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị vốn ODA xuyên	274.133.243	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>1.198.240.430</b>
- Giá trị lợi thế kinh doanh	-	1.031.637.804
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	-	73.599.663
- Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị vốn ODA	-	93.002.963
<b>Cộng</b>	<b>274.133.243</b>	<b>1.198.240.430</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>5.237.841.600</b>	<b>5.237.841.600</b>	<b>15.499.284.384</b>	<b>17.737.125.984</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Vay ngân hàng	5.237.841.600	5.237.841.600	15.499.284.384	17.737.125.984	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nha Trang <sup>(*)</sup>	5.237.841.600	5.237.841.600	15.499.284.384	17.737.125.984	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.237.841.600</b>	<b>5.237.841.600</b>	<b>15.499.284.384</b>	<b>17.737.125.984</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**Thông tin chi tiết về khoản vay:**

<sup>(\*)</sup>: Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/8552332/HĐTD ngày 06 tháng 9 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC với hạn mức cho vay là 60.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng áp dụng chính sách về tín chấp tài sản đảm bảo. Ngoài ra, Công ty cam kết thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác và thế chấp khoản phải thu hình thành trong tương lai từ các hợp đồng kinh tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>24.664.677.509</b>	<b>24.664.677.509</b>	<b>40.870.296.000</b>	<b>40.870.296.000</b>
- Xí nghiệp Xây dựng công trình Khánh Hòa	3.814.246.948	3.814.246.948	5.258.978.078	5.258.978.078
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	5.715.118.000	5.715.118.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	1.000.000.000	1.000.000.000	4.577.576.060	4.577.576.060
- CN Công ty CP Công trình 6-XN VLXD Tháp Chàm	2.558.129.700	2.558.129.700	1.169.900.000	1.169.900.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	17.292.300.861	17.292.300.861	24.148.723.862	24.148.723.862
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.664.677.509</b>	<b>24.664.677.509</b>	<b>40.870.296.000</b>	<b>40.870.296.000</b>

**Trong đó:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	4.183.794.593	4.183.794.593	3.062.783.533	3.062.783.533

**13. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.670.796.039</b>	<b>131.928.305.805</b>
- Các đối tượng nộp tiền mua nhà theo tiến độ thuộc dự án Chung cư đường sắt	-	130.153.544.644
- Ban Quản lý Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Phú Yên	1.521.517.000	1.521.517.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	149.279.039	253.244.161
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.670.796.039</b>	<b>131.928.305.805</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**Trong đó:**

- Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)
- Người mua trả tiền trước dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	-	32.124.000
	-	-
	-	<b>32.124.000</b>

**Cộng****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số phải thu đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra	-	694.723.013	9.926.796.474	8.547.246.048	-	2.074.273.439
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	767.089.085	2.376.062.701	2.791.672.195	-	351.479.591
- Thuế thu nhập cá nhân	80.289.619	-	218.768.127	315.475.444	176.996.936	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	109.306.800	-	3.704.751.515	82.045.040	-	3.513.399.675
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	10.573.391	10.573.391	-	-
<b>Cộng</b>	<b>189.596.419</b>	<b>1.461.812.098</b>	<b>16.236.952.208</b>	<b>11.747.012.118</b>	<b>176.996.936</b>	<b>5.939.152.705</b>

(\*) : Số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trong năm bao gồm:

	<u>Số tiền</u>
Thuế TNDN đã nộp trong năm	1.327.238.517
Thuế TNDN tạm nộp hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.464.433.678
<b>Tổng</b>	<b>2.791.672.195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>371.818.182</b>	<b>17.048.256</b>
- Chi phí lãi vay	-	17.048.256
- Các khoản trích trước khác	371.818.182	-
<b>b. Chi phí phải trả dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>371.818.182</b>	<b>17.048.256</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>7.571.981.490</b>	<b>11.974.628.754</b>
- Bảo hiểm xã hội	76.691.998	110.616.848
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.495.289.492	11.864.011.906
+ <i>Nộp Ngân sách nhà nước</i>	4.121.356.802	-
+ <i>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i>	3.046.336.860	9.153.558.710
+ <i>Các đối tượng khác</i>	327.595.830	2.710.453.196
<b>b. Dài hạn</b>	<b>9.751.687.306</b>	<b>-</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.751.687.306	-
<b>Cộng</b>	<b>17.323.668.796</b>	<b>11.974.628.754</b>

**17. Dự phòng phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.072.404.948</b>	<b>-</b>
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.072.404.948	-
<b>Cộng</b>	<b>5.072.404.948</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	-	2.090.261.940	22.090.261.940
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	2.723.886.939	2.723.886.939
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	209.026.194	(2.090.261.940)	(1.881.235.746)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>209.026.194</b>	<b>2.723.886.939</b>	<b>22.932.913.133</b>
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	4.155.649.340	4.155.649.340
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	272.388.695	(2.723.886.939)	(2.451.498.244)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>481.414.889</b>	<b>4.155.649.340</b>	<b>24.637.064.229</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07-18/NQ-ĐSPK ngày 24 tháng 4 năm 2018, cụ thể:

	Số tiền
- Trích quỹ đầu tư phát triển	272.388.695
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	545.498.244
- Chia cổ tức	1.906.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.723.886.939</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.200.000.000	51	10.200.000.000	51
Vốn góp của các cổ đông khác	9.800.000.000	49	9.800.000.000	49
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.906.000.000	1.464.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**f. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	481.414.889	209.026.194
<b>Cộng</b>	<b>481.414.889</b>	<b>209.026.194</b>

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Tài sản nhận giữ hộ**

Vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu hoạt động công ích	166.194.380.765	138.326.025.909
- Doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản	134.649.965.107	-
- Doanh thu hoạt động cho thuê nhà ở xã hội	1.208.904.960	-
- Doanh thu hoạt động khác	3.165.309.999	22.691.836.470
<b>Cộng</b>	<b><u>305.218.560.831</u></b>	<b><u>161.017.862.379</u></b>

**Trong đó**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	168.641.498.946	152.307.544.091

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hoạt động công ích	140.508.596.509	117.124.849.654
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	120.921.637.749	-
- Giá vốn hoạt động cho thuê nhà ở xã hội	656.700.309	-
- Giá vốn hoạt động khác	2.676.979.140	20.109.628.934
<b>Cộng</b>	<b><u>264.763.913.707</u></b>	<b><u>137.234.478.588</u></b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.769.588.397	511.108.148
<b>Cộng</b>	<b><u>1.769.588.397</u></b>	<b><u>511.108.148</u></b>

**04. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	85.839.414	198.881.731
<b>Cộng</b>	<b><u>85.839.414</u></b>	<b><u>198.881.731</u></b>

**05. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản khác	32.124.000	415.969.692
<b>Cộng</b>	<b><u>32.124.000</u></b>	<b><u>415.969.692</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Hạch toán khoản truy thu tiền cho thuê mặt bằng kinh doanh năm 2017 nộp NSNN theo BB của Tổng kiểm toán NN	1.127.445.454	-
- Nhận nợ tiền lãi, phí và khấu hao MCA & DAP phải nộp NSNN và cần chấn tự động	2.253.675.062	-
- Các khoản bị phạt	6.573.391	6.880.203
- Các khoản khác	705.916.096	280.318.276
<b>Cộng</b>	<b>4.093.610.003</b>	<b>287.198.479</b>

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>31.545.198.063</b>	<b>20.804.115.199</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	10.734.474.603	9.202.772.392
- Chi phí vật liệu quản lý	708.156.978	678.328.277
- Chi phí đồ dùng văn phòng	179.165.284	153.650.050
- Chi phí khấu hao TSCĐ	925.034.343	1.051.874.342
- Thuế, phí và lệ phí	3.478.697.437	65.189.190
- Chi phí dự phòng	9.448.244.979	272.306.200
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.465.661.742	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.605.762.697	9.379.994.748
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>31.545.198.063</b>	<b>20.804.115.199</b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	2.376.062.701	415.126.196
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	281.253.087
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.376.062.701</b>	<b>696.379.283</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**(\*) Chi tiết xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

	<b>Hoạt động KD thông thường</b>	<b>Cho thuê nhà ở xã hội</b>	<b>Bán nhà ở xã hội</b>	<b>Bán nhà ở thương mại</b>	<b>Cộng</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.748.819.968)	552.204.651	3.696.027.715	10.032.299.643	6.531.712.041
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	1.847.846.845	-	-	-	1.847.846.845
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.847.846.845</i>	-	-	-	<i>1.847.846.845</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	-	-	-	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(5.900.973.123)	552.204.651	3.696.027.715	10.032.299.643	8.379.558.886
Thuế suất thuế TNDN	20%	10%	10%	20%	
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>369.602.772</b>	<b>2.006.459.929</b>	<b>2.376.062.701</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	4.155.649.340	2.723.886.939
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.155.649.340	2.723.886.939
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	545.498.244
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.078</u></b>	<b><u>1.089</u></b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	4.155.649.340	2.723.886.939
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.155.649.340	2.723.886.939
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	545.498.244
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.078</u></b>	<b><u>1089</u></b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.907.367.353	47.769.410.025
- Chi phí nhân công	85.227.354.386	85.751.580.724
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.090.011.194	2.369.819.168
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.291.920.451	86.245.567.309
- Chi phí khác bằng tiền	18.357.205.239	16.363.406.580
- Chi phí dự phòng	9.448.244.979	272.306.200
<b>Cộng</b>	<b><u>187.322.103.602</u></b>	<b><u>238.499.783.806</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ	377.008.580	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 02. Giao dịch với các bên liên quan

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	1.914.971.755	1.572.832.148
<b>Cộng</b>	<b>1.914.971.755</b>	<b>1.572.832.148</b>

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

##### Bên liên quan

Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải  
Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn  
Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình  
Công ty Cổ phần Tổng Công ty công trình đường sắt  
Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải  
Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn  
Công ty Cổ phần đường sắt Thanh hoá  
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3 - Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2 - Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
CN Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn  
- XN toa xe Sài Gòn  
CN Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn  
- XN Toa xe Đà Nẵng  
CN Tổng Công ty đường sắt Việt Nam - XN Đầu máy Sài Gòn  
Công ty Cổ phần Công trình 6  
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình 3  
CN Công ty Cổ phần Công trình 6 - XN Vật liệu xây dựng Tháp Chàm  
XN 303 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3  
XN 305 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3  
XN 304 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình 3

##### Mối quan hệ

Công ty mẹ  
Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Công ty liên kết với Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Công ty con của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
Thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
Thành viên của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn  
Thành viên của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn  
Thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
Công ty liên kết với Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Công ty liên kết với Tổng Công ty đường sắt Việt Nam  
Thành viên của Công ty Cổ phần Công trình 6  
Thành viên của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình 3  
Thành viên của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình 3  
Thành viên của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình 3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>168.641.498.946</b>	<b>152.307.544.091</b>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	166.194.380.765	150.659.958.636
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sắt Thuận Hải	16.320.000	169.518.182
- Ban quản lý dự án đường sắt khu vực III - Thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	103.241.818
- Ban quản lý dự án đường sắt khu vực II - Thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	1.035.790.000
- Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	1.137.182.727	-
- Công ty CP TTTT ĐS Sài Gòn	1.293.615.454	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn	-	339.035.455
<b>Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ</b>	<b>4.258.720.963</b>	<b>5.459.643.333</b>
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	-	1.156.373.468
- Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn	3.562.140.000	1.878.231.000
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn	-	1.468.095.455
- CN Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn - XN toa xe Đà Nẵng	225.850.000	53.965.228
- CN Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn - XN toa xe Sài Gòn	43.730.963	-
- CN Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội - XN toa xe hàng	427.000.000	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Bình	-	890.070.909
- Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải	-	12.907.273
<b>Trả cổ tức</b>	<b>972.060.000</b>	<b>-</b>
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	972.060.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>39.935.127.395</b>	<b>35.429.551.205</b>
- Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực 3	259.197.000	259.197.000
- Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	1.250.901.000	-
- Công ty CP TTTT ĐS Sài Gòn	1.119.130.000	-
- XN 303 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	64.108.000	64.108.000
- XN 305 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	117.876.000	117.876.000
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	36.546.554.395	34.428.961.205
- Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải	204.422.000	186.470.000
- Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn	372.939.000	372.939.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>138.177.134</b>	<b>138.177.134</b>
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn	138.177.134	138.177.134
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>40.073.304.529</b>	<b>35.567.728.339</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>	<b><i>4.183.794.593</i></b>	<b><i>3.062.783.533</i></b>
- Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải	-	14.198.000
- Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Bình	-	979.078.000
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	1.224.939.334	869.605.045
- CN Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn - XN Toa xe Đà Nẵng	48.104.059	30.002.488
- CN Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn - XN Toa xe Sài Gòn	48.400.000	-
- CN Công ty Cổ phần Công trình 6 - XN Vật liệu Xây dựng Tháp Chàm	2.558.129.700	1.169.900.000
- Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn	304.221.500	-
- Công ty CP Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	-	-
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>32.124.000</i></b>
- Xí nghiệp 304- Công ty CP ĐT&XD Công trình 3	-	32.124.000
<b><i>Phải trả khác ngắn hạn</i></b>	<b><i>3.046.336.860</i></b>	<b><i>9.153.558.710</i></b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.046.336.860	9.153.558.710
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>7.230.131.453</u></b>	<b><u>12.248.466.243</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động công ích và các hoạt động khác;
- Lĩnh vực 2: Hoạt động chuyển nhượng bất động sản và cho thuê nhà ở xã hội.

	<b>Lĩnh vực 1</b>	<b>Lĩnh vực 2</b>	<b>Cộng</b>
			- Đơn vị tính: VND
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	169.359.690.764	135.858.870.067	305.218.560.831
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	173.047.024.729	121.578.338.058	294.625.362.787
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>(3.687.333.965)</b>	<b>14.280.532.009</b>	<b>10.593.198.044</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	540.488.180	-	540.488.180
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.485.120.885	656.700.309	3.141.821.194
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	72.524.398.915	17.916.641.850	90.441.040.765
- Tài sản không phân bổ			2.800.592.181
<b>Tổng tài sản</b>	<b>72.524.398.915</b>	<b>17.916.641.850</b>	<b>93.241.632.946</b>
- Nợ phải trả bộ phận	47.020.894.927	20.703.887.654	67.724.782.581
- Nợ phải trả không phân bổ			879.786.136
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>47.020.894.927</b>	<b>20.703.887.654</b>	<b>68.604.568.717</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<b>Lĩnh vực 1</b>	<b>Lĩnh vực 2</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	161.017.862.379	-	161.017.862.379
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	145.775.702.810	11.950.664.560	157.726.367.370
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>15.242.159.569</b>	<b>(11.950.664.560)</b>	<b>3.291.495.009</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.413.000.000	-	1.413.000.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.609.953.049	-	3.609.953.049
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.582.413.467	122.270.974.611	212.853.388.078
- Tài sản không phân bổ			14.097.685.765
<b>Tổng tài sản</b>	<b>90.582.413.467</b>	<b>122.270.974.611</b>	<b>226.951.073.843</b>
- Nợ phải trả bộ phận	197.316.064.549	5.792.846.769	203.108.911.318
- Nợ phải trả không phân bổ			909.249.392
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>197.316.064.549</b>	<b>5.792.846.769</b>	<b>204.018.160.710</b>

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.600.592.181	-	13.897.685.765	-	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.216.501.223	(9.720.551.179)	58.063.444.109	(272.306.200)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	200.000.000	-	200.000.000	-	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>62.017.093.404</b>	<b>(9.720.551.179)</b>	<b>72.161.129.874</b>	<b>(272.306.200)</b>		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	24.664.677.509	40.870.296.000	(*)	(*)
Vay và nợ	3.000.000.000	5.237.841.600	(*)	(*)
Chi phí phải trả	371.818.182	17.048.256	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	7.495.289.492	11.864.011.906	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>35.531.785.183</b>	<b>57.989.197.762</b>		

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	24.664.677.509	-	-	24.664.677.509
Vay và nợ	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Chi phí phải trả	371.818.182	-	-	371.818.182
Các khoản phải trả khác	7.495.289.492	-	-	7.495.289.492
<b>Cộng</b>	<b>35.531.785.183</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>35.531.785.183</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	40.870.296.000	-	-	40.870.296.000
Vay và nợ	5.237.841.600	-	-	5.237.841.600
Chi phí phải trả	17.048.256	-	-	17.048.256
Các khoản phải trả khác	11.864.011.906	-	-	11.864.011.906
<b>Cộng</b>	<b>57.989.197.762</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>57.989.197.762</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Số 02 đường Yersin, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1090	1.089
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1090	1.089

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

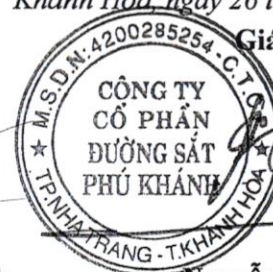
Khánh Hoà, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHỨNG THỰC HẠN NẠN HƯNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 001857  
Ngày: 05-03-2019  
PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG HUỆ - PHẠM TUẤN  
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Thị Đào

Nguyễn Thị Lan Anh

Nguyễn Như Bình



**Phụ lục 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam**

Mã số	Tên quy cách, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2018
NCI0132PL1008	Ray P43 hong	m	4.950
NCI0132PL1016	Ta vet sat hong	thanh	20.428
NCI0132PL1026	Lap lach P43*30 hong	bo	1
NCI0132PL1027	Lap lach P43 hong	bo	457
NCI0132PL1028	Lap lach P43*50 hong	bo	31
NCI0132PL1029	Lap lach P50 hong	bo	19
NCI0132PL1034	Can coc hong	cai	26.205
NCI0132PL1035	Coc hong	cai	99.527
NCI0132PL1036	Dinh coc hong	cai	108.648
NCI0132PL1037	Dinh moi hong	cai	5.057
NCI0132PL1038	Dinh campong hong	cai	2.679
NCI0132PL1039	Dinh tiaraphong hong	cai	2.822
NCI0132PL1040	Bulon moc hong	cai	86
NCI0132PL1045	Dem sat hong	cai	1.120
NCI0132PL1046	Tru ly trinh ( Hm) cot thep hong	cai	22
NCI0132PL1048	Ron den phang hong	cai	37.581
NCI0132PL1063	Tam ghi P43 hong	cai	4
NCI0132PL1064	Tam ghi P50 hong	cai	6
NCI0132PL1121	Ta vet be tong hong hong	thanh	2.759

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 128 / ĐSPK

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 03 năm 2019

V/v: Giải trình về ý kiến của kiểm toán  
đối với Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt  
động từ 01/01/2018 đến 31/12/2018

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 31/2019/BCKT-AASCN ngày 26/02/2019 của Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh có nêu ý kiến loại trừ trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

Về vấn đề này Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

1/ Về chi phí đo vẽ đất 2010 :

Căn cứ Quyết định 796/QĐ-ĐS ngày 4/7/2007 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc giao nhiệm vụ cho Công ty ký hợp đồng, quy hoạch và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các khu ga, trạm và đất đường sắt khai thác nằm trong phạm vi Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh (nay là Công ty CP Đường sắt Phú Khánh)

Căn cứ Quyết định 1122/QĐ-ĐS ngày 03/08/2009 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc Phê duyệt dự toán khảo sát, đo đạc, lập quy hoạch và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các khu ga, trạm và đất đường sắt khai thác nằm trong phạm vi Công ty Quản lý Đường sắt Phú Khánh (nay là Công ty CP Đường sắt Phú Khánh)

Năm 2008, Công ty đã thực hiện việc khảo sát, đo đạc, lập quy hoạch sử dụng đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các khu Ga thuộc khu vực tỉnh Khánh Hòa do Công ty quản lý theo hợp đồng 76/HĐ-DVĐV ngày 2/5/2008 & Biên bản nghiệm thu thanh lý ngày 14/01/2010 giữa công ty và văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Sở TNMT Khánh Hòa;

Tại hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 31/12/2014, biên bản đối chiếu 2 bên đã xác định rõ giá trị Tổng Công ty Đường sắt Việt nam phải trả cho Công ty là: 933.473.987 đồng

Hiện nay, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí này với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

2/ Chi phí vận chuyển vật tư thu hồi:

Căn cứ văn bản số 729/QĐ-QLHT ngày 01/04/2015 của Tổng công ty ĐSVN về việc sử dụng vật tư thu hồi sử dụng lại trong công tác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt cho các đơn vị quản lý đường sắt;

Căn cứ biên bản bàn giao vật tư thu hồi sử dụng lại trong công tác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt giữa Ban quản lý dự án ĐS KV2-đại diện của Tổng công ty ĐSVN với Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh (nay là Công ty CP Đường sắt Phú Khánh) ngày 15/05/2015;

Để vận chuyển vật tư đưa vào công trình Công ty CP Đường sắt Phú Khánh ký kết hợp đồng vận chuyển 01/HĐVC ngày 02/10/2015 giữa Công ty & Doanh nghiệp tư nhân Huy Hoàng Garage xây dựng (hóa đơn 244 ngày 02/11/2015).

Theo biên bản kiểm tra quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2017 ngày 18/5/2018 tại trụ sở Công ty CP Đường sắt Phú Khánh giữa Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty CP Đường sắt Phú Khánh đã đề nghị Tổng công ty chi trả 264.025.000 đồng;

Trên đây là ý kiến giải trình về ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh;

**Nơi nhận:**

- Như trên
- HDQT, BKS
- Lưu VT, TCKT



GIÁM ĐỐC *lanhl*

*AB*

*Nguyễn Như Bình*